

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/3/2025.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Tiểu Thơ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 601/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Hận T**, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp MH, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2024 nguyên đơn bà Lê Thị Hận T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn Hg được gia đình mai mối và chung sống với nhau vào năm 1989, từ năm 1989 đến nay bà và ông H không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà và ông H chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay xét

thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh năm 1991, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** *Tại bản tự khai ngày 21/02/2025, bị đơn ông Lê Văn H trình bày:***

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Hận T được gia đình mai mối và chung sống với nhau vào năm 1989, đến nay ông và bà T không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông, bà chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh năm 1991, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Hận T và bị đơn ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hận T, xét thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hận T và ông Lê Văn H chung sống với nhau vào năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân của bà T và ông H không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay bà T xin ly hôn với ông H, ông H đồng ý ly hôn với bà T, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của ông, bà để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của ông, bà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà T và ông H là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh năm 1991, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 9; Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Hận T và ông Lê Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Hận T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Lê Thị Hận T đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0002669 ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Hận T và ông Lê Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn

